

Số: 125 /QĐ-UBND

Quận 11, ngày 01 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH****Công nhận phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 16 tháng 01 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 71 /TTr-TP ngày 23/01/2024 về việc ban hành Quyết định công nhận phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 16 phường trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận đăng tải danh sách 16 phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên Trang thông tin điện tử của quận chậm nhất là 02 ngày kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *tal*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Tư Pháp;
- Phòng PBGDPL Sở Tư Pháp;
- Thường trực Quận ủy;
- UBND quận (CT, các PCT);
- Thành viên Hội đồng ĐGTCPL quận;
- Lưu: VT, Nh.(28) *th*



**CHỦ TỊCH**

*tran binh*  
**Nguyễn Trần Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**  
**PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
**TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 11 NĂM 2023**

(Đính kèm Quyết định số 125 /QĐ-UBND ngày 01 /02 /2024  
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 11)

| STT | Tên phường<br>(1) | Tổng<br>điểm<br>(2) | Điểm của từng tiêu chí |               |               |               |               | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------|------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------|
|     |                   |                     | Tiêu chí<br>1          | Tiêu chí<br>2 | Tiêu chí<br>3 | Tiêu chí<br>4 | Tiêu chí<br>5 |         |
| 1   | Phường 14         | 99                  | 10                     | 29            | 15            | 20            | 25            |         |
| 2   | Phường 04         | 98                  | 10                     | 28            | 15            | 20            | 25            |         |
| 3   | Phường 08         | 98                  | 10                     | 29            | 15            | 20            | 24            |         |
| 4   | Phường 10         | 98                  | 10                     | 29            | 15            | 20            | 24            |         |
| 5   | Phường 11         | 98                  | 10                     | 28            | 15            | 20            | 25            |         |
| 6   | Phường 01         | 97                  | 10                     | 28            | 15            | 20            | 24            |         |
| 7   | Phường 05         | 97                  | 10                     | 28            | 15            | 20            | 24            |         |
| 8   | Phường 16         | 97                  | 10                     | 27            | 15            | 20            | 25            |         |
| 9   | Phường 06         | 94                  | 10                     | 28            | 15            | 16            | 25            |         |
| 10  | Phường 13         | 93                  | 10                     | 29            | 15            | 20            | 19            |         |
| 11  | Phường 07         | 92                  | 10                     | 29            | 14            | 20            | 18            |         |
| 12  | Phường 03         | 92                  | 10                     | 29            | 15            | 20            | 18            |         |
| 13  | Phường 12         | 92                  | 10                     | 28            | 15            | 20            | 19            |         |
| 14  | Phường 09         | 91                  | 10                     | 27,5          | 15            | 20            | 18            |         |
| 15  | Phường 15         | 91                  | 10                     | 30            | 14            | 18            | 18            |         |
| 16  | Phường 02         | 89                  | 10                     | 27            | 15            | 19            | 18            |         |

**Ghi chú:**

(1) Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

(2) Tổng điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.